

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so năm 2020. Lợi nhuận năm 2021 giảm so cùng kỳ nguyên nhân chính là do :

- Sản lượng sản xuất và giao hàng giảm so với cùng kỳ.
- Giá một số nguyên liệu chính tăng so với cùng kỳ.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu TCKT



GIÁM ĐỐC *nhai*

*Trịnh Công Vinh*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

6003000028

ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 4 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Ông Nguyễn Xuân Hải  
Ông Phạm Hồng Minh  
Ông Trần Nguyên Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tấn Phiên  
Bà Dương Thị Thúy Hồng  
Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Công Vinh  
Ông Trần Văn Sang  
Ông Huỳnh Vạn Đồng

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha  
Phường 8, Thành phố Bạc Liêu  
Tỉnh Bạc Liêu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch

Tỉnh Bạc Liêu, ngày 30 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00316-22-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>52.034.454.765</b>	<b>39.166.416.251</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>33.165.234.078</b>	<b>3.166.605.450</b>
Tiền	111		365.234.078	466.605.450
Các khoản tương đương tiền	112		32.800.000.000	2.700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.905.023.143</b>	<b>3.782.366.150</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.394.648.215	5.302.917.883
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		434.271.662	1.333.883.489
Phải thu ngắn hạn khác	136		156.274.266	225.735.778
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>16.619.487.633</b>	<b>31.899.448.486</b>
Hàng tồn kho	141		16.925.347.870	32.376.768.878
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(305.860.237)	(477.320.392)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>344.709.911</b>	<b>317.996.165</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		344.709.911	317.996.165
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>234.894.061.410</b>	<b>266.848.677.085</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		-	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>230.343.535.068</b>	<b>257.875.219.601</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	230.296.795.681	257.791.258.100
Nguyên giá	222		488.139.845.502	486.511.791.678
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.843.049.821)	(228.720.533.578)
Tài sản cố định vô hình	227	11	46.739.387	83.961.501
Nguyên giá	228		336.516.165	336.516.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(289.776.778)	(252.554.664)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>688.294.430</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	688.294.430
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.550.526.342</b>	<b>8.280.163.054</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.550.526.342	8.280.163.054
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>286.928.516.175</b>	<b>306.015.093.336</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>98.009.425.584</b>	<b>117.104.041.172</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.484.567.447</b>	<b>76.409.520.591</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.663.910.243	3.974.966.909
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	50.407.906.609	40.972.999.548
Phải trả người lao động	314		2.265.348.457	3.918.267.864
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		331.029.937	440.645.160
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		138.181.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319		261.323.830	1.755.684.996
Vay ngắn hạn	320	16(a)	18.396.983.588	25.101.071.331
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	19.882.964	107.702.964
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.524.858.137</b>	<b>40.694.520.581</b>
Vay dài hạn	338	16(b)	22.608.066.993	40.694.520.581
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		916.791.144	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>188.919.090.591</b>	<b>188.911.052.164</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>188.919.090.591</b>	<b>188.911.052.164</b>
Vốn cổ phần	411	19	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.879.361.152	40.871.322.725
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.671.322.725	38.296.633.674
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		208.038.427	2.574.689.051
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>286.928.516.175</b>	<b>306.015.093.336</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>165.396.523.587</b>	<b>195.693.858.220</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>150.595.758.530</b>	<b>173.406.173.579</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>14.800.765.057</b>	<b>22.287.684.641</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		29.900.317	38.696.030
Chi phí tài chính	22		4.337.424.197	7.086.098.444
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.337.424.197	7.086.098.444
Chi phí bán hàng	25		471.359.290	680.076.970
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.937.186.534	11.554.484.078
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.084.695.353</b>	<b>3.005.721.179</b>
Thu nhập khác	31		105.387.076	195.747.167
Chi phí khác	32		65.252.858	128.167.842
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>40.134.218</b>	<b>67.579.325</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.124.829.571</b>	<b>3.073.300.504</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>498.611.453</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>916.791.144</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>208.038.427</b>	<b>2.574.689.051</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	17	214

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.124.829.571</b>	<b>3.073.300.504</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		29.159.738.357	33.648.184.727
Hoàn nhập các khoản dự phòng	03		(171.460.155)	(20.995.651)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(29.900.317)	(25.073.642)
Chi phí lãi vay	06		4.337.424.197	7.086.098.444
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>34.420.631.653</b>	<b>43.761.514.382</b>
Biến động các khoản phải thu	09		786.134.734	2.215.316.072
Biến động hàng tồn kho	10		15.451.421.008	347.287.346
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.160.683.185	(19.968.355.322)
Biến động chi phí trả trước	12		3.702.922.966	7.461.353.529
			<b>60.521.793.546</b>	<b>33.817.116.007</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.396.442.227)	(7.115.477.957)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(498.611.453)	(1.401.887.784)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		17.880.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.700.000)	(436.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>55.538.919.866</b>	<b>24.863.600.266</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(779.650.224)	(3.870.199.934)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	117.831.816
Tiền thu lãi tiền gửi	27		29.900.317	38.696.030
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(749.749.907)</b>	<b>(3.713.672.088)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	236.345.556.809	313.712.257.980
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(261.136.098.140)	(332.809.957.852)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(12.012.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.790.541.331)</b>	<b>(31.109.699.872)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>29.998.628.628</b>	<b>(9.959.771.694)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.166.605.450</b>	<b>13.126.377.144</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>33.165.234.078</b>	<b>3.166.605.450</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 110 nhân viên (1/1/2021: 112 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 22.450 triệu VND (1/1/2021: 37.243 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

#### **(d) Năm kế toán năm**

Năm kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### (e) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

Trong năm, Công ty đã đánh giá lại và thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số máy móc và thiết bị để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Thời gian hữu dụng của các tài sản này được điều chỉnh từ 7 – 15 năm thành 3 – 19 năm. Việc thay đổi thời gian hữu dụng của các máy móc và thiết bị đó đã làm giảm chi phí khấu hao trong năm là 4.584 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí nâng cấp**

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

### **(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## **4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

## **5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	231.133.630	250.576.653
Tiền gửi ngân hàng	134.100.448	216.028.797
Các khoản tương đương tiền	32.800.000.000	2.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	33.165.234.078	3.166.605.450

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất là 3,3% một năm (1/1/2021: 3,0% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.133.114.400	2.197.169.700
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Các khách hàng khác	181.362.815	25.577.183
	<hr/>	<hr/>
	4.394.648.215	5.302.917.883

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.133.114.400	2.197.169.700
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	160.623.320	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2021 và 1/1/2021		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.256.424.069	-	8.604.238.758	-
Công cụ và dụng cụ	4.646.134.165	(305.860.237)	4.093.327.670	(477.320.392)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.266.942.211	-	12.329.699.168	-
Thành phẩm	1.755.847.425	-	7.343.411.323	-
Hàng hóa	-	-	6.091.959	-
	<b>16.925.347.870</b>	<b>(305.860.237)</b>	<b>32.376.768.878</b>	<b>(477.320.392)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	477.320.392	498.316.043
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(171.460.155)	(20.995.651)
Số dư cuối năm	<b>305.860.237</b>	<b>477.320.392</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	107.861.239.973	371.137.318.424	5.998.968.590	1.514.264.691	486.511.791.678
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.628.053.824	-	-	-	1.628.053.824
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>109.489.293.797</b>	<b>371.137.318.424</b>	<b>5.998.968.590</b>	<b>1.514.264.691</b>	<b>488.139.845.502</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	34.986.922.330	187.810.533.146	4.567.145.398	1.355.932.704	228.720.533.578
Khấu hao trong năm	4.452.725.017	24.351.435.206	278.849.772	39.506.248	29.122.516.243
Phân loại lại	-	40.348.469	-	(40.348.469)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.439.647.347</b>	<b>212.202.316.821</b>	<b>4.845.995.170</b>	<b>1.355.090.483</b>	<b>257.843.049.821</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	72.874.317.643	183.326.785.278	1.431.823.192	158.331.987	257.791.258.100
Số dư cuối năm	70.049.646.450	158.935.001.603	1.152.973.420	159.174.208	230.296.795.681

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 62.988 triệu VND (1/1/2021: 13.781 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 189.644 triệu VND (1/1/2021: 213.626 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	336.516.165
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	252.554.664
Khấu hao trong năm	37.222.114
Số dư cuối năm	289.776.778
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	83.961.501
Số dư cuối năm	46.739.387

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 163 triệu VND (1/1/2021: 38 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	688.294.430	642.294.430
Tăng trong năm	1.569.759.394	1.568.439.847
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.628.053.824)	(1.279.712.574)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(630.000.000)	(242.727.273)
Số dư cuối năm	-	688.294.430

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí nâng cấp VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.164.142.104	2.741.524.356	374.496.594	8.280.163.054
Tăng trong năm	-	940.460.342	1.500.376.239	2.440.836.581
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	630.000.000	-	630.000.000
Phân bổ trong năm	(3.929.316.279)	(2.257.888.413)	(613.268.601)	(6.800.473.293)
Phân loại lại	152.288.096	(174.366.264)	22.078.168	-
Số dư cuối năm	1.387.113.921	1.879.730.021	1.283.682.400	4.550.526.342

**14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu	682.311.022	763.079.444
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Vệ sĩ Long Hải Bạc Liêu	548.211.255	442.587.334
Công ty TNHH Camic Việt Nam	491.799.000	424.116.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	403.581.662	-
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	-	552.057.600
Các nhà cung cấp khác	538.007.304	1.793.126.531
	2.663.910.243	3.974.966.909

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	403.581.662	-

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2021 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.505.695.629	159.172.224.822	(151.140.303.448)	43.537.617.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	498.611.453	-	(498.611.453)	-
Thuế giá trị gia tăng	4.894.982.224	32.337.114.379	(30.490.844.932)	6.741.251.671
Thuế thu nhập cá nhân	57.874.482	341.347.683	(288.124.710)	111.097.455
Thuế tài nguyên	15.835.760	120.754.584	(118.649.864)	17.940.480
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>40.972.999.548</b>	<b>191.974.441.468</b>	<b>(182.539.534.407)</b>	<b>50.407.906.609</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021	Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	7.014.617.743	236.345.556.809	(243.049.644.552)	310.530.000
Vay dài hạn đến hạn trả	18.086.453.588	18.086.453.588	(18.086.453.588)	18.086.453.588
	25.101.071.331	254.432.010.397	(261.136.098.140)	18.396.983.588

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (i)	VND	5,0%	-	7.014.617.743
▪ Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu (ii)	VND	0%	310.530.000	-
			310.530.000	7.014.617.743

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh 16(b).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	40.694.520.581	58.780.974.169
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(18.086.453.588)	(18.086.453.588)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	22.608.066.993	40.694.520.581

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Vietinbank - Chi nhánh 4	VND	6,58% - 7,12%	2022-2024	40.694.520.581	58.780.974.169

Khoản vay dài hạn từ Vietinbank - Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 107.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 189.644 triệu VND (1/1/2021: 213.626 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	107.702.964	543.852.964
Tăng khác	17.880.000	-
Sử dụng trong năm	(105.700.000)	(436.150.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.882.964	107.702.964

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	50.308.633.674	198.348.363.113
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.574.689.051	2.574.689.051
Cổ tức	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	40.871.322.725	188.911.052.164
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	208.038.427	208.038.427
Trích quỹ công tác xã hội từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	40.879.361.152	188.919.090.591

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	308.068.450	310.997.950
Từ hai đến năm năm	1.337.363.754	1.301.223.163
Sau năm năm	11.105.529.783	11.613.522.819
	<b>12.750.961.987</b>	<b>13.225.743.932</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	159.721.955.190	189.828.620.000
▪ Cung cấp dịch vụ	1.466.669.546	1.782.934.547
▪ Doanh thu khác	4.207.898.851	4.082.303.673
	165.396.523.587	195.693.858.220

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	150.433.664.285	172.487.398.049
▪ Dịch vụ đã cung cấp	333.554.400	749.351.928
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(171.460.155)	(20.995.651)
▪ Giá vốn khác	-	190.419.253
	150.595.758.530	173.406.173.579

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	5.698.070.944	6.407.004.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.116.295.540	1.597.136.137
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.713.087	83.593.702
Chi phí quản lý khác	2.096.106.963	3.466.749.898
	8.937.186.534	11.554.484.078

## 25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	94.198.899.135	96.961.946.168
Chi phí nhân công và nhân viên	19.871.967.235	23.457.833.592
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.159.738.357	33.648.184.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.413.775.804	14.364.879.245
Chi phí khác	9.359.923.823	17.207.890.895

## 26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	498.611.453
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	916.791.144	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	916.791.144	498.611.453

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.124.829.571	3.073.300.504
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	224.965.915	460.995.076
Chi phí không được khấu trừ thuế	166.300.000	251.307.000
Ưu đãi thuế (*)	-	(213.690.623)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	525.525.229	-
	916.791.144	498.611.453

(\*) Theo quy định của Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2020 do có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	2.627.626.147	525.525.229	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	2.627.626.147

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2009). Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2009 – 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (2012 – 2018).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	208.038.427	2.574.689.051
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>208.038.427</b>	<b>2.574.689.051</b>

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	159.639.006.706	189.812.690.617
Mua nguyên vật liệu	48.826.141.035	71.025.203.280
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	562.500.000	-
Mua hàng hóa	-	245.998.400
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Cho mượn nguyên vật liệu	-	3.653.638
Mua hàng hóa	18.168.000	-
Giao dịch khác	-	28.602.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm	179.336.698	-
Cung cấp dịch vụ	-	1.000.000.000
Phí sử dụng vỏ chai	1.276.510.602	1.976.633.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Cung cấp dịch vụ	829.090.910	829.090.909
Giao dịch khác	29.070.596	22.462.548
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>		
Mua nguyên vật liệu	30.128.000	96.414.284
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Giao dịch khác	19.834.500	35.112.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Vay	-	12.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre</b>		
Mua nguyên vật liệu	20.244.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	135.000.000	252.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	120.000.000	168.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	120.000.000	168.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	120.000.000	168.000.000
Ông Trần Nguyễn Trung – Thành viên	120.000.000	168.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.732.181.609	3.354.240.214
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng ban	120.000.000	126.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	48.000.000	42.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	48.000.000	42.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua sắm tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	306.099.103

**30. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

